

PHẬT TÍNH

Kenting Tai Situpa

Nền tảng những lời dạy của Đức Phật là Phật tính. Và cũng do Phật tính mà Đức Phật đã ban cho những lời giảng. Mọi chúng sinh đều có khả năng để hoàn thiện và đạt được giác ngộ. Bởi Phật tính là bản chất tinh khiết và giác ngộ thực chất của chúng ta mà chúng ta có thể hoàn thiện và vượt qua bất cứ ô nhiễm nào. Đức Phật đã chia sẻ sự hiểu biết sâu sắc của Ngài về điều này, không chỉ công nhận thực tế Phật tính tồn tại trong tất cả chúng sinh, mà còn dẫn dắt chúng ta để đánh thức khả năng vô hạn và bản sinh này cho tới khi chúng ta đạt được sự tỉnh giác trọn vẹn về Phật tính của chính mình, và tự chúng ta trở thành những vị Phật giác ngộ.

Điều quan trọng cần nhận thức rằng Phật tính không phải là vài điều chúng ta tự tưởng tượng hay tạo ra. Phật tính là sự tồn tại vốn có trong mỗi chúng sinh, và Đức Phật dạy chúng ta phương pháp từng bước với mục đích để đánh thức Phật tính luôn hiện diện trong chúng ta bằng cách chỉ dẫn các cá nhân với những mức độ phát triển khác nhau.

Mặc dù tất cả chúng ta có Phật tính như thực thể tuyệt đối của chúng ta, nhưng trong thực thể bình thường của chúng ta, điều này được gọi là thế giới tương đối của chúng ta nơi có nhiều sự khác nhau giữa các cá thể. Vì lý do này, Đức Phật đã ban cho lời dạy theo những cách thức khác nhau. Sau này, những lời dạy của Ngài đã được chia thành bốn loại chính, Giới luật, Luận tạng, Kinh điển, và Mật điển. Mỗi loại đều hòa nhập tất cả những lời dạy của Đức Phật, nhưng nhấn mạnh vào một phạm vi riêng biệt cụ thể. Giới luật dạy căn bản về những nguyên lý và chuẩn mực đạo đức; Luận tạng quan tâm chính về học thuật, những khía cạnh vi tế về sự hình thành, và quy luật vận hành của vạn vật. Kinh điển tập trung vào những lời dạy về từ bi; và Mật điển trình bày những phương

pháp chuyển hóa bằng sự tỉnh thức dần dần và cuối cùng có thể đạt tới giác ngộ. Mục đích của những lời dạy này đơn giản nhằm giúp chúng ta đánh thức bản chất tối thượng của chính mình – đó là phật tính.

Khi ban cho những bài giảng về Đại thừa, Đức Phật đã giới thiệu khái niệm phật tính, đặc biệt là trong những kinh điển như kinh Pháp Hoa, kinh Lăng già, và kinh Thập địa. Trong bài giảng đầu tiên, Đức Phật đã trình bày về Tứ Diệu Đế (Bốn Sự thật cao quý). Những sự thật này là: cuộc đời tràn ngập khổ đau; khổ đau có các nguyên nhân; nhưng có một mục đích, vì những nguyên nhân của đau khổ có thể bị triệt tiêu, và có một con đường, vì có một phương pháp đang tồn tại để trừ tận gốc những nguyên nhân gây ra khổ đau. Đức Phật giải thích rằng thông qua giữ giới, chánh niệm, và hành động đúng chúng ta có thể phát triển sự tĩnh lặng và trong sáng của tâm chúng ta. Sự phát triển sau cùng của trạng thái tĩnh lặng và trong sáng là thoát khỏi mọi điều thế tục làm che mờ bản chất tinh khiết và tươi mát bên trong chúng ta. Bản chất này cho chúng ta sự yên tĩnh sâu xa và vĩnh cửu ở bên trong. Khi mọi ô nhiễm đã được loại bỏ thì phật tính được hiển thị mà bản chất là sự tĩnh lặng. Từ bài giảng đầu tiên về Tứ Diệu Đế, Đức Phật đã nói rõ về phật tính.

Trong những bài giảng về Mật thừa của Đức Phật, phật tính là nền tảng, là con đường, và là thành quả. Phật tính được miêu tả như là bản chất không bị ô nhiễm bởi bất kỳ sự ô nhiễm nào. Giống như khoảng không mà không thể bị ô nhiễm bởi bất kỳ điều gì. Ngay cả những chúng sinh đang chịu đau khổ trong địa ngục cũng có phật tính thanh khiết.

Trong một bài giảng quan trọng về Đại thừa, một trong số các bài giảng của Đức Di Lặc truyền cho đại sư vĩ đại Vô Trước (Asanga), phật tính được bàn luận chi tiết trong Đại thừa Mật điển Tối thượng (Mahayana- uttra- tantra). Di Lặc là vị đại Bồ Tát không mang hình tướng của loài người, mặc dù ngài có thể giảng cho loài người- chúng sinh được coi là có đủ sự phát triển để hiểu được những bài giảng của ngài. Đạo sư Vô Trước đã truyền lại những lời dạy này của Đức Di Lặc đến cõi giới người. Những lời dạy của Đức Di Lặc là một hướng dẫn quan trọng về chủ đề Phật tính.

Ngài Di Lặc đã ban cho ngài Vô Trước năm bài giảng, và Đại thừa Mật điển Tối thượng là bài giảng cuối cùng. Ngài nhấn mạnh đặc biệt rằng những bài giảng của ngài không phải là của một vị phật, mà là bình giải về những lời dạy của Đức Phật. Uttara – tantra có hai nghĩa. Uttara nghĩa là mức độ cao nhất trong số năm bài giảng do Đức Di Lặc truyền cho học trò của ngài là Vô Trước, và đó là bài giảng thứ năm và cũng là cuối cùng.

SỰ GIẢNG GIẢI CỦA ĐỨC DI LẶC VỀ PHẬT TÍNH

Trong bài giảng ban cho ngài Vô Trước, Đức Di Lặc đã cung cấp kiến thức toàn diện về Phật tính với bốn tiêu đề. Đây là những chủ đề quan trọng để ta nghiên cứu và hiểu biết:

- Tất cả chúng sinh đều có phật tính
- Những phẩm tính của phật tính
- Những che chướng ngăn cản chúng sinh nhận ra phật tính, và các biện pháp để vượt qua những che chướng
- Những bất lợi do không biết về phật tính, và những lợi ích của việc biết về phật tính

TẤT CẢ CHÚNG SINH ĐỀU CÓ PHẬT TÍNH

Mọi chúng sinh đều có phật tính, chỉ có điều là liệu họ có nhận biết được điều này hay không. Một số có thể hoàn toàn vô minh về phật tính, một số chúng sinh có thể nhận thức được, và một số khác có thể nhận thức đầy đủ về điều này. Nhưng trong tất cả ba giai đoạn phát triển, mọi chúng sinh đều có phật tính.

Khi một chúng sinh vô minh về phật tính, mặc dù vậy bản tính phật của nó vẫn luôn hiện diện, như một hạt giống luôn sẵn sàng để nảy mầm. Khi một chúng sinh phát triển, phật tính được biểu lộ như là kiến thức, trí tuệ, thiện tâm, và các hành động thiện. Khi một chúng sinh đạt được giác ngộ, thì bản thân sự giác ngộ là phật tính. Cá nhân nào nhận ra hoàn toàn phật tính của mình – đó chính là giác ngộ.

Ở mức độ tuyệt đối mọi chúng sinh đều là phật. Không có sự khác nhau về bản chất tối thượng giữa một chúng sinh vô minh và phật giác ngộ. Bản chất là như nhau. Sự khác nhau duy nhất là chúng sinh không hiểu biết về điều này, nhưng một vị phật là hiện thân của phật tính. Chúng sinh chưa được giác ngộ ở mức độ tương đối, nhưng có phật tính bẩm sinh, trong khi một vị phật thì giác ngộ ở cả mức độ tương đối và tuyệt đối. Trong thực tế, một vị phật vượt ra ngoài giới hạn tương đối và tuyệt đối – vốn mang tính nhị nguyên.

Đức Di Lặc giải thích rằng mọi chúng sinh đều có tiềm năng đạt giác ngộ. Không có chúng sinh nào không thể hoàn thiện và không giác ngộ. Vì vậy, tất cả chúng sinh đều có bản tính phật, bất kể là chúng sinh thuộc cõi giới nào. Mọi chúng sinh là hoàn hảo tuyệt đối. Theo Phật giáo, ở khía cạnh tương đối, do các ô nhiễm (các độc) nên các chúng sinh đều có vô số sự không hoàn hảo. Những ô nhiễm này như là sân hận, kiêu ngạo, và bám víu. Mục đích của thực hành Pháp là áp dụng phương pháp hiệu quả nhất để vượt qua những ô nhiễm đó. Với phương pháp đúng, một người có thể dần dần tỉnh giác và vượt qua tất cả ô nhiễm làm che mờ sự tỉnh thức bản chất thật sự bên trong và bản tính phật.

Đức Di Lặc nói rằng khi tiềm năng tối thượng của từng chúng sinh được đánh thức, không có sự khác nhau giữa một người giác ngộ viên mãn và một chúng sinh hoàn toàn vô minh. Lời tuyên bố này có lẽ là khó hiểu nếu không có sự hiểu biết rõ về bản chất của chân lý. Chân lý có hai khía cạnh: tương đối, hay là chân lý có thể thay đổi, và tuyệt đối, chân lý không thay đổi. Ở cấp độ tương đối, các chướng ngại xuất hiện. Ở cấp độ tuyệt đối là sự tinh khiết – đó là bản tính phật. Ở mức độ tương đối chúng ta chưa phải là phật, nhưng ở mức độ tuyệt đối, chúng ta là phật. Ở mức độ tương đối, chúng ta phải đương đầu với nhiều vấn đề khó khăn, nhưng ở mức độ tuyệt đối chúng ta không còn khó khăn nữa. Sự hiểu biết của chúng ta về bản chất thực của sự thật phải nhìn qua sự tương phản này.

Cũng cần nhớ rằng có mối liên hệ trực tiếp giữa hai khía cạnh tuyệt đối và tương đối. Tuyệt đối là sự tuyệt đối của tương đối, và tương đối là sự tương đối của tuyệt đối. Chúng không phải là hai điều khác nhau. Do đó, khi Đức Di Lặc nói rằng bất kể một

người bình thường hay tiêu cực như thế nào, không có sự giới hạn trong phạm vi về bản chất sâu xa của người đó, ở đây ý Ngài muốn nói về hai khía cạnh tương đối và tuyệt đối của sự thật. Về tuyệt đối, không có sự khác biệt giữa những chúng sinh đang chìm trong đau khổ của luân hồi với một vị phật đã giác ngộ hoàn toàn và vượt ra ngoài mọi giới hạn. Họ là như nhau. Suy tư về điều này rất tốt cho chúng ta.

NHỮNG PHẨM CHẤT CỦA PHẬT TÍNH

Đức Di Lặc cũng giải thích rằng phật tính là vô hạn. Nó vượt ra khỏi thời gian, khuôn khổ, chất lượng, và tất cả giới hạn. Ở khía cạnh tuyệt đối, không có giới hạn, nhưng ở khía cạnh tương đối là có giới hạn, như là một người nỗ lực đạt tới sự thức tỉnh cao cả hơn.

Đức Di Lặc tuyên bố phật tính là hoàn toàn tinh khiết. Bản thân nó không thể bị che khuất, mặc dầu khái niệm tương đối của nó có thể bị che mờ. Mọi chúng sinh đều sẵn sàng cho sự giác ngộ ở mọi khoảnh khắc. Chướng ngại duy nhất là chúng ta không nhận ra sự vô hạn và tinh khiết của phật tính. Có lẽ chúng ta có những ý niệm mơ hồ về phẩm chất vô hạn của mình, nhưng chúng ta không nhận ra đầy đủ điều này, vì vậy, chúng ta chỉ tập trung vào cái tôi tương đối. Mỗi khoảnh khắc chúng ta được giác ngộ nhưng lại không nhận ra điều đó. Do vậy, mỗi khoảnh khắc chúng ta lại bị ngăn cản để nhận thức được phật tính, chúng ta không thể giác ngộ được đầy đủ. Tính nhị nguyên (dualism) tạo ra các nhân và duyên hai mặt, mà biểu hiện như là tốt và xấu, sáng và tối, tích cực và tiêu cực. Giống như một giấc mơ dài.

Thức tỉnh khỏi giấc mơ nhị nguyên, bạn phải làm những nỗ lực chắc chắn, bao gồm cách cư xử đúng, lắng dịu tâm trí thông qua thiền định, và những phương pháp khác để phát triển tinh giác và nhận thức. Thực hành cá nhân có nhiều hình thức. Có thể là thiền hoặc là hành động. Mục đích là để nâng cao quan niệm, kinh nghiệm, và bộc lộ phật tính của chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta có thể dễ dàng bị lôi cuốn vào những điều sai trái và trở nên vô minh hơn. Đức Di Lặc nói rằng trước khi bạn đạt tới cấp độ bồ tát sơ địa, bạn có thể tinh tấn hoặc bạn vẫn có thể trở thành bị huỷ hoại. Nhưng sau khi đạt được cấp

độ bỏ tất cả địa bạn không thể bị huyễn hoặc nữa. Trong giai đoạn này, ngay cả dù phật tính là vô hạn, nó có thể bị che mờ bởi chân lý tương đối.

BÓN NGUYÊN TẮC TỊNH HÓA

Đại thừa Mật điển Tối thượng Luận dạy rằng đầu tiên chúng ta phải phát triển một *sự hiểu biết rõ ràng* để giúp chúng ta tôn trọng và hiểu rõ giá trị những điều thiện – là những điều làm lợi lạc cho chính chúng ta và những chúng sinh khác. Ngay khi chúng ta có được hiểu biết này, bước tiếp theo chúng ta cần biết nên *thực hành thế nào để chúng ta tinh tấn*. Chúng ta cần biết điều thiện là gì, nhưng chúng ta cũng cần biết áp dụng phương pháp thích hợp và mở rộng hiểu biết của chúng ta để không bị lạc lối. *Nguyên tắc thứ ba* là phát triển lòng từ và lòng bi mẫn. Hai đức tính này cho phép hiểu biết và nhận thức sâu sắc của chúng ta được tiến bộ đáng kể. Nếu chúng ta không có từ bi, sự tinh tấn của chúng ta sẽ ngưng trệ. Chúng ta có thể trở thành kiêu ngạo và thoái bộ. Chúng ta phát triển lòng từ bi là để tiếp tục tinh tấn thay vì bị thụt lùi.

Những giai đoạn phát triển được miêu tả như là *các giai đoạn của tịnh hóa*. Chúng ta tịnh hóa các ác nghiệp của mình để đạt tới mức độ tinh thức cao hơn. Những điều gì cần được tịnh hóa? Đó là những ô nhiễm đang che mờ thực thể phật tính của chúng ta – vốn tinh khiết tuyệt đối. Sự tinh khiết của tuyệt đối không còn gì để thanh tịnh. Nhưng ở mức độ tương đối, chúng ta phải tịnh hóa những vết bẩn để nhận ra sự tinh khiết bị che mờ bên dưới.

Có nhiều phương pháp tịnh hóa, và Đức Di Lặc đã cho những chỉ dẫn cụ thể. Để khắc phục sự vô minh, Ngài khuyên cần có khát vọng mạnh mẽ. Đó có thể là một điều đơn giản, như là khao khát làm điều thiện, hoặc là làm những điều tốt đẹp nhất. Ngay cả khi chúng ta không biết phải tiến hành ra sao, nhưng nếu chúng ta có khát vọng, chúng ta sẽ bắt đầu nhận ra cách thức để thực hiện nó. Kết quả của khát vọng là sự tinh tấn dần dần của trí tuệ, và trí tuệ làm cho ta có khả năng nhận biết điều gì thiện, điều gì có giá trị, và điều gì là thực chất. Khi trí tuệ được tinh tấn, lòng từ bi sâu sắc và sự thành tâm sẽ nảy sinh một

cách tự nhiên. Đức Di Lặc cũng dạy rằng do thành tâm và lòng từ bi sâu sắc được sinh ra từ trí tuệ, và trí tuệ lại được tạo ra bởi khát vọng, và như thế tỉnh giác sẽ diễn ra.

Nếu một chúng sinh hiểu sai sự thật và do đó ngày càng rời xa nhận thức đúng đắn, và họ cũng rất khó nhận ra phật tính của mình. Trong những bài giảng của ngài Vô Trước đã trình bày các phương pháp tạo ra các nhân và duyên để tịnh hóa, và giúp chúng sinh đến gần hơn quan niệm đúng đắn. Đây là những nguyên tắc của Đức Di Lặc ban cho.

Sau khi vun trồng lòng từ bi, Đức Di Lặc cũng dạy rằng *tịnh hóa là nguyên tắc thứ tư* – đó là suy niệm để vượt qua sự sợ hãi và tính tham lam.

GẶT HÁI THÀNH QUẢ TỪNG BƯỚC

Sau khi nói về điều kiện tịnh hóa trong bốn giai đoạn, Đức Di Lặc miêu tả về những thành quả, hay là các kết quả khác nhau khi thực hành các phương pháp tịnh hóa. Ngài dạy rằng thành quả tức là tỉnh giác về bản chất tối thượng, và Ngài nhấn mạnh vào quá trình tiến bộ dần dần của nhận thức. Sự tỉnh giác phật tính của một người, từ lúc bắt đầu cho đến khi giác ngộ sẽ trải qua nhiều kiếp sống. Theo Ngài Di Lặc, mỗi giai đoạn tỉnh giác, từng khoảnh khắc, là thành quả của khoảnh khắc trước đó. Và Ngài cho một mô tả chi tiết về điều này.

Ngài nói rằng đầu tiên chúng ta phải có khả năng chấp nhận rằng chúng ta có nhiều ô nhiễm, tiêu cực, lỗi lầm. Chúng ta phải chấp nhận điều này thay vì tự huyễn hoặc rằng chúng ta không sai lầm, rằng hành động của chúng ta là hoàn hảo, hoặc là rất hoàn hảo. Chúng ta cũng phải biết chấp nhận thỉnh thoảng thần kinh của chúng ta dễ bị kích động.

Một khi biết rằng chúng ta có nhiều ô nhiễm, chúng ta có thể thực hành các phương pháp để khắc phục chúng. Cùng lúc, chúng ta cũng nên biết rằng ở mức độ tuyệt đối chúng ta là hoàn hảo, không tiêu cực, và không có tội lỗi. Hiểu biết đúng đắn như vậy sẽ giúp chúng ta khắc phục được các ô nhiễm và tiêu cực.

Chúng ta nên nhận ra các chúng sinh khác cũng tương tự như vậy. Chúng ta cần có khả năng thấy được rằng các chúng sinh khác cũng đang đau khổ, vì không chỉ có chúng ta đang đau khổ mà tất cả chúng sinh đều như vậy. Vì vậy, chúng ta cần giúp đỡ họ vào bất cứ lúc nào thích hợp. Khi cầu nguyện “mong rằng tôi có thể giúp họ” chúng ta phải mong muốn có khả năng để giúp đỡ tất cả chúng sinh. Đó là điều cần thực hiện trước tiên. Trong khi thực hành những nỗ lực nhằm khắc phục nỗi đau khổ của chúng sinh, để giúp đỡ họ, chúng ta cần nhận ra rằng tất cả chúng sinh đều có phật tính. Ở mức độ tuyệt đối, họ cũng hoàn hảo, không ngu si, và không bị kích động. Tất cả sự đau khổ và kích động này chỉ là sự thật tương đối. Chúng ta phải có khả năng để nhận thấy điều này.

Đây là những những thành quả chúng ta đạt tới trong từng giai đoạn. Lúc đó chúng ta sẽ dần dần hướng tới trở thành một vị bồ tát. Vậy bồ tát là gì? Bồ tát là người vượt qua loại hoạt động bình thường, và sự tỉnh giác của bồ tát rất tinh tấn vì những hành động của họ luôn mang động cơ trong sáng và tích cực. Chúng ta sẽ tinh tấn qua nhiều cấp bậc khác nhau từ cấp bậc đầu tiên cho đến thứ bậc thứ mười của quả vị bồ tát, cho đến khi chúng ta đạt được giác ngộ hoàn toàn của một vị phật. Đây là những giai đoạn thức tỉnh bản tính phật của chúng ta.

BỐN BÁNH XE

Đức Di Lặc đã giải thích một số phương pháp chủ yếu dành cho sự tinh tấn trên con đường hướng tới tỉnh giác. Những phương pháp này được biết như là bốn bánh xe, bởi vì các bánh xe có thể đưa chúng ta từ nơi này qua nơi khác. Do vậy, bốn bánh xe đặc biệt này sẽ đưa chúng ta từ vòng luân hồi để đạt tới giác ngộ.

Bánh xe đầu tiên là sự hướng dẫn. Chúng ta cần có sự hướng dẫn thích hợp. Nếu chúng ta không có hướng dẫn đúng đắn, thì ngay cả chúng ta có khát vọng mạnh mẽ, nhưng do chỉ trông cậy vào chính mình để xét đoán, trong khi chúng ta còn vô minh, lo lắng, và bản ngã lớn, nên sự xét đoán của chúng ta thường là lầm lẫn. Do vậy, sự hướng dẫn chính xác và đúng đắn là rất cần thiết.

Phật giáo Tây Tạng nhận thức một cách nghiêm túc rằng mọi điều chúng ta học hay là dạy nên mang tính liên tục của một dòng truyền thừa. Theo thuật ngữ Phật giáo, sự giải thích dòng truyền thừa khá đơn giản dễ hiểu. Những lời dạy của Đức Phật được dựa vào sự tỉnh giác, và những lời dạy của Ngài đều xuất phát từ việc thể hiện một cách tự nhiên sự tỉnh giác của Ngài. Đó là những lời dạy của sự giác ngộ đến từ thân, khẩu, ý đã giác ngộ trọn vẹn, là biểu hiện của lòng từ bi và trí tuệ của Ngài. Đây là khởi đầu của dòng truyền thừa.

Đức Phật đã ban những lời dạy một cách tự nhiên cho các học trò của mình. Họ thực hành phương pháp được dạy, và rồi truyền lại cho các học trò của mình. Trong Phật giáo Tây Tạng, mỗi bài giảng là sự nối tiếp việc thực hành theo lời dạy chính thống của Đức Phật, và những học trò của Ngài thực hành và chuyển giao tới các học trò của họ, và liên tục như vậy. Đây là dòng truyền thừa, và là nguồn cho sự hướng dẫn đúng đắn.

Người thầy thực hành những lời dạy được thọ nhận và chia sẻ với những người đến để học, và việc này được thực hiện một cách nghiêm túc. Xưa kia, người thầy kiểm tra học trò nhiều lần trước khi truyền lại các bài giảng thâm diệu để chắc chắn rằng những bài giảng là để giúp đỡ chứ không làm hại họ. Mọi quan hệ đích thực giữa người thầy và học trò không phải là sự hời hợt, mà là cam kết của cả hai người : thầy và học trò.

Bánh xe thứ hai là chúng ta phải sống theo giới luật của Phật Pháp. Khi chúng ta thực hành Pháp, thì điều quan trọng là cần sống thuận theo Pháp. Chúng ta không nên chỉ thực hành một cách cằn cù trong vài giờ và rồi sau đó buông lung trong thời gian còn lại của ngày, để lại sự thanh thản và trạng thái tâm trong sáng trên chiếc gối tọa thiền. Khi thiền hay tụng chú, hoặc là thực hành bất cứ điều gì, chúng ta nên thực hiện nghiêm túc không những chỉ trong thời gian thực hành chính thức, mà cả sau đó, và trong mọi hoạt động hàng ngày. Chúng ta nên sống thuận theo chánh pháp càng nhiều càng tốt. Chúng ta có thể phạm sai lầm – đó là điều bình thường, nhưng chúng ta cần làm với khả năng tốt nhất để sống theo chánh pháp và duy trì chánh niệm trong mọi hoạt động hàng ngày như khi chúng ta đang tham thiền. Trong Kim Cương Thừa, mọi điều đều có thể trở thành thiền. Mọi điều

là nguồn cho tỉnh thức. Điều này thực sự có thể xảy ra, khi trạng thái của tâm luôn luôn trong sáng và tĩnh lặng.

Bánh xe thứ ba là luôn thực hiện đạo hạnh. Thiền định sâu có thể đạt được đạo hạnh sâu sắc. Khía cạnh bề ngoài của đạo hạnh là làm những điều ích lợi cho người khác. Đây là điều rất quan trọng đối với các Phật tử để thực hiện các hoạt động mang lợi lạc cho mọi người. Chúng ta không nên chỉ phát triển tâm, mà chúng ta cũng cần phải quan tâm về nhu cầu của người khác và cách thức chúng ta có thể giúp đỡ để đáp ứng các nhu cầu này của họ. Đôi khi một hành động tích cực nhỏ của một cá nhân có thể đưa lại tác động to lớn cho nhiều người khác. Thực hiện đạo hạnh nghĩa là từ việc cứu mạng sống của chúng sinh, trợ giúp cho những người đang đau khổ, hoặc đơn giản chỉ là cho một lời tử tế đúng lúc. Chúng ta nên thực hành những hành động này càng nhiều càng tốt.

Bánh xe thứ tư là khát vọng sâu sắc hướng tới giác ngộ. Đây là điều rất quan trọng cần được duy trì, vì nó giữ gìn chúng ta vượt qua những khó khăn tối tệ nhất. Khát vọng để trở thành bậc giác ngộ là không có gì sai trái, nhưng đó nên là một khao khát sâu sắc và nghiêm túc không chỉ cho ta đạt được giải thoát mà còn cho cả các chúng sinh khác cũng đạt được như vậy. Đức Di Lặc đã dạy như thế và có thể nhận thấy trong lời cầu nguyện hàng ngày của các Phật tử: “Mong rằng tất cả chúng sinh đều đạt được sự giải thoát hoàn toàn”. Khi nhìn vào hành tinh trái đất của chúng ta, hoặc là vào một quốc gia đơn lẻ, chúng ta nhận thấy có quá nhiều điều để làm. Trong một thành phố mọi người không thể sống hòa thuận với nhau. Viễn cảnh của sự giác ngộ là xa vời và không thể hình dung được. Làm thế nào chúng ta có thể làm cho điều này có ý nghĩa thực sự khi chúng ta cầu nguyện tất cả chúng sinh sẽ đạt được giác ngộ? Chúng ta nghĩ thế nào nếu điều này có thể xảy ra? Đây là khả năng có thể thành hiện thực bởi vì mọi chúng sinh đều có Phật tính.

SỰ HOÀN THÀNH TRỌN VẸN CỦA PHẬT TÍNH

Kế tiếp, Đức Di Lặc giải thích rằng việc hoàn thành trọn vẹn và mục tiêu của phật tính tinh khiết, hoàn hảo và vô hạn của chúng ta là sự giác ngộ. Tất cả chúng sinh có phật tính cuối cùng đều sẽ đạt được giác ngộ. Mặc dù có một vài chúng sinh cần thời gian dài hơn để tịnh hóa những ô nhiễm để nhận ra phật tính của họ, nhưng có những chúng sinh có thể được giác ngộ nhanh hơn. Điều này là tùy vào từng cá nhân theo đuổi con đường tỉnh giác như thế nào, và có những lựa chọn gì. Có một điều chắc chắn là tất cả chúng sinh sẽ có thể làm được điều này bởi lẽ bản chất của họ là phật.

Đức Di Lặc còn nói về những chúng sinh vô minh là không nhận thức được phật tính của họ vì khía cạnh nhị nguyên trong tâm của họ. Tâm nhị nguyên của một chúng sinh không nhận thấy được cốt lõi bản chất của họ. Có một số mức độ phật tính được nhận ra trong tâm nhị nguyên của một bồ tát hoặc là của một cá nhân đã tỉnh tấn. Khi một người trở thành phật, tính nhị nguyên của tâm được thanh lọc hoàn toàn. Tâm của người này vượt ra khỏi tính nhị nguyên. Người tỉnh giác đầy đủ trở thành hiện thân của phật tính, vượt ra mọi giới hạn. Vì thế, hành động của một vị phật là vô hạn, trong khi đó nếu so sánh với một vị phật thì việc làm của một bồ tát là có giới hạn, và việc làm của một chúng sinh bình thường thì cực kỳ giới hạn.

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT TÍNH

Đức Di Lặc cũng miêu tả về các đặc điểm của phật tính. Ngài nói rằng phật tính là không thể thay đổi. Dù chúng ta vô minh thế nào thì phật tính của chúng ta vẫn nguyên vẹn. Và dù chúng ta giác ngộ như thế nào thì phật tính của chúng ta cũng còn lại nguyên vẹn. Đó là bản chất không thay đổi. Giác ngộ chính là hiện thân đầy đủ phật tính của chúng ta ở mọi cấp độ của sự biểu thị sắc tướng của chúng ta như là các chúng sinh khác nhau. Tất cả phẩm chất của Đức Phật, như là mười sức mạnh vĩ đại, và tất cả các đặc điểm được miêu tả và xác định là phẩm tính của một vị phật – đây cũng là những phẩm tính của phật tính.

Khi đạt tới giác ngộ, chúng ta nhận ra được trọn vẹn phạm vi của những phẩm tính này. Việc làm của một vị phật là vượt ra sự nhị nguyên. Trong một kinh điển, Đức Phật đã nói: “ Ta chưa bao giờ dạy điều gì”. Điều này ngụ ý rằng những lời dạy của Ngài được truyền lại là sự hiển thị tự nhiên. Điều đó không phải đơn giản như là một người này nói chuyện với người kia, mà sự hiển hiện này giống như ánh sáng chói lọi của mặt trời, mang những năng lượng tốt đẹp để trợ giúp sự tinh tấn của chúng sinh. Ánh sáng mặt trời làm được rất nhiều điều. Nó làm ấm hạt giống để có thể phát triển rễ và bám được trong đất. Ánh sáng mặt trời giúp quả chín trên cây. Nó cho ánh sáng, làm ấm các đại dương, hơi nước bốc lên và các đám mây được hình thành. Tất cả những biểu hiện này không cần đặt kế hoạch, giống như hành động tự nhiên của một vị phật.

Bởi lẽ việc làm của phật là bất nhị, một vị phật có thể giúp đỡ những chúng sinh khác. Đức Phật là vô hạn vì Ngài đã vượt qua tính nhị nguyên, do vậy ngay cả cùng một lúc, nếu toàn bộ chúng sinh trong vũ trụ cầu nguyện Ngài và xin được ban phúc, thì sự cầu phúc của Đức Phật sẽ được ban đều cho tất cả, và chúng sinh tùy theo căn cơ của mình để nhận sự cầu phúc đó.

VƯỢT QUA NHỮNG CHE CHƯỚNG

Khi Đức Di Lặc luận bàn về những che chướng và làm thế nào để khắc phục chúng, Ngài đã nói về “những che chướng tạm thời”. Không có những che chướng vĩnh cửu. Các che chướng luôn luôn chỉ là tạm thời. Ngài cũng nói có những che chướng liên miên, và xác định chín loại chủ yếu: tham ái, sân hận, vô minh, và sáu loại che chướng liên quan đến quả vị bồ tát – từ cấp sơ địa đến cấp thập địa.

Che chướng đầu tiên ngăn cản một cá nhân nhận ra phật tính là tham ái. Tham ái là che chướng có tác động lớn, và củng cố mạnh mẽ cách suy nghĩ nhị nguyên. Tham ái nghĩa là chúng ta bị cuốn hút vào vòng luân hồi sinh – tử. Đức Di Lặc dạy rằng thông qua những phương pháp chuyển hóa, chúng ta phải tìm ra một cách thức để thiết lập sự cân bằng, và để sự tham ái của chúng ta đầu tiên trở thành sự luyện ái hợp lý, hay đúng hơn là không hợp lý. Tiếp đó chúng ta khắc phục từ từ sự tham ái để trở thành không lệ thuộc vào

nó, nhưng phải là sự không lệ thuộc hoàn toàn. Thoát khỏi tham ái cần phải được mở rộng hơn.

Một trong số biện pháp để khắc phục tham ái, theo kinh điển, là hiểu biết rõ ràng và đúng đắn về chân lý tương đối của mọi sự vật. Đức Di Lặc dạy rằng sự thật về mọi sự tồn tại đều là vô thường. Chúng ta đi bất cứ nơi đâu trong thế giới này, chúng ta thường nhận thấy các phế tích của các đền đài, lâu đài, nhà cửa và các công trình kiến trúc khác mà xưa kia có lẽ đẹp đẽ, được sử dụng hàng ngày, và được dùng trong nhiều thế kỷ. Nhiều người đã làm việc cật lực để xây những công trình đó và tiêu nhiều tiền cho việc này, nhưng bây giờ chúng chỉ còn lại là như là những đài tưởng niệm lịch sử, hoặc cũng không còn gì cả.

Khi phát triển hiểu biết đúng đắn, chúng ta có lẽ vẫn bị lôi cuốn vào những hoạt động của vòng luân hồi, như là xây dựng nhà cửa, sự nghiệp, hoặc là các mối quan hệ, nhưng chúng ta sẽ không bị tham đắm vào chúng một cách quá mức và bản loạn. Chúng ta sẽ hiểu rằng những thứ này là vô thường. Chúng không có giá trị tuyệt đối, và chỉ có giá trị tương đối, bởi vì chúng tồn tại phụ thuộc lẫn nhau và luôn thay đổi. Đó là bước quan trọng đầu tiên giúp chúng ta dễ dàng tránh xa những tư tưởng và hành động sai trái.

Nếu chúng ta không hiểu biết đúng đắn, chúng ta sẽ trở nên đố kỵ khi ai đó xây nhà to hơn nhà của ta. Điều này dường như là nực cười nhưng vẫn xảy ra. Hay là một giáo đoàn sẽ tìm mọi cách để ngăn trở sự phát triển của một giáo đoàn khác, và nói rằng: “Phật của tôi tốt hơn Phật của anh”. Tất cả những đố kỵ này có thể vẫn xảy ra do tham ái, kết hợp với các yếu tố tiêu cực khác nữa.

Đức Di Lặc còn dạy về *sân hận* và *hiếu chiến*. Ngài nói rằng sân hận rất mạnh mẽ, mặc dầu không xảy ra liên tục như tham ái. Sân hận đến rồi đi. Tham ái là vẫn tiếp tục, đặc biệt là trong cõi giới của loài người – được mô tả như cõi dục giới, hay là cõi tham ái. Thông thường, sân hận khi bùng nổ thì làm chúng ta mất bình tĩnh, và gây trở ngại việc hoàn thành trọn vẹn những khát vọng của chúng ta.

Khi chúng ta bị lôi cuốn vào một số việc và gặp rắc rối, chúng ta dễ trở nên giận dữ, và đôi khi chúng ta có thể trở thành hiếu chiến để đạt được điều chúng ta muốn. Một trong số phương pháp chính để khắc phục sân hận là cần phát triển sự hiểu biết về nỗi đau khổ và những ô nhiễm của những người khác, và từ đó chúng ta phát triển lòng từ bi đối với mọi người.

Vô minh là một trong những gốc rễ của che chướng, giống như là ham muốn, sân hận và hiếu chiến. Vô minh là kết quả do không nhìn mọi sự vật một cách sâu sắc như chúng vốn là, mà chỉ nhìn thấy bề mặt. Phần lớn thời gian chúng ta không nhìn thấy ngay cả bề mặt của sự vật một cách đúng đắn. Trong một số chỉ dẫn thực hành của Kim Cương Thừa, các đạo sư vĩ đại đã viết rằng hầu hết loài người là hoàn toàn hiểu sai về nhau. Họ hoạt động với 100 phần trăm hiểu lầm. Ngay cả những người thực hành giỏi, rất hiểu biết và giữ giới nghiêm cẩn cũng có thể bị tác động bởi các hoàn cảnh bên ngoài, mà từ đó khiến cho tham ái và sân hận nảy nở. Có thể không dễ nhận thấy, nhưng ở mức độ tiềm thức, các yếu tố này luôn xuất hiện dưới những tác nhân thích hợp. Cho đến trước khi đạt được ngôi vị bồ tát sơ địa thì vô minh vẫn hiện diện.

Che chướng thứ tư là nghiệp (karma). Đây là sự kết hợp của tham ái, sân hận, và vô minh. Karma (Nghiệp) là từ Sankrit, và được sử dụng chung như vậy trong từ điển tiếng Anh. Nhưng không phải nhiều người đều hiểu đúng nghiệp (karma) là gì, và thường hiểu sai về nó. Nếu công việc bị thất bại hay hôn nhân đổ vỡ, mọi người thường hỏi “có phải do nghiệp xấu của tôi không?”. Theo lời giảng của Đức Phật, nghiệp nghĩa là các nhân và các duyên. Tất nhiên là có những nhân và duyên khác nữa để tạo ra thất bại trong kinh doanh, hay là hôn nhân, và những khó khăn khác, vì vậy mọi người cho rằng “đó là nghiệp”. Khi ý nghĩ về nghiệp như vậy in sâu vào trong tâm trí, thì chúng ta bị mất hết hy vọng; giống như một số phận không thể thay đổi được. Suy nghĩ như vậy là không đúng, vì hoàn toàn sai với sự thật. Nghiệp xấu có thể được cải thiện và trở thành nghiệp tốt, ngược lại nghiệp tốt cũng có thể bị hủy hoại và trở thành nghiệp xấu. Điều này sẽ được giải thích kỹ hơn ở phần sau (PHẦN 3: Nghiệp và Tái sinh). Nghiệp không tồn tại như là một thực thể. Nghiệp là một từ ngữ dùng để chỉ những nhân và duyên tương đối tạo ra cuộc sống của chúng ta.

Đức Di Lặc đã miêu tả *che chướng thứ năm* “là các trạng thái tâm nhị nguyên không ý thức” (Tạng ngữ là *palcha*). Đây là những trạng thái ẩn tàng trong tâm trí nhưng có thể biểu lộ ra dưới những hoàn cảnh và tác nhân kích thích nhất định. Giống như một quả vật đang ngủ nếu là trạng thái tiêu cực, hoặc là một thiên thần đang ngủ nếu ở trạng thái tích cực. Nó giống như là bản năng. Nó tương tự như một thói quen không ý thức gắn liền với chúng ta từ kiếp sống này qua kiếp sống khác.

Che chướng thứ sáu là ngăn cản sự nhận ra phật tính – đó là khi chúng ta đạt được quả vị bồ tát sơ địa. Chúng ta trở thành bồ tát sơ địa khi nhận ra phật tính của mình, và bản chất thực sự của mọi sự vật ở lần đầu tiên. Tất cả các phương pháp thực hành của một bồ tát là nhằm vượt qua những che chướng ngăn cản cá nhân nhận ra phật tính. Trạng thái nhận thức ra phật tính là sự tỉnh giác của quả vị bồ tát đầu tiên.

Ngài Di Lặc còn chỉ ra một loạt những che chướng kế tiếp liên quan đến các cấp độ cao dần lên của quả vị bồ tát (mười cấp độ)*. Đây là những che chướng nhị nguyên vi tế sẽ tăng dần và những thực hành của bồ tát để chiến thắng những che chướng này ở các giai đoạn đó. Đây là điều quan trọng vì ngay cả khi đạt được mức độ tinh tấn cao về trí tuệ và hiểu biết thì những điều này lại trở thành những trở ngại và phải được thanh tịnh. *Che chướng thứ bảy, đó là cần phải vượt ra khỏi sự tỉnh thức Phật tính của quả vị bồ tát.*

Khi nói về các mức độ tỉnh thức khác nhau của quả vị bồ tát, rõ ràng chúng ta đang diễn giải về chỉ ở phương diện lý thuyết. Để hiểu chính xác quả vị bồ tát sơ địa là gì, thì chúng ta phải là bồ tát. Nếu một người bình thường được gặp một vị phật và một bồ tát sơ địa cùng lúc, thì sẽ rất khó để người này phân biệt được, và dễ bị lầm lẫn. Bởi lẽ do tâm nhị nguyên của mình, chúng ta không có được nhận thức sáng suốt về sự khác nhau này. Tuy nhiên, ở cấp độ của các ngài, bồ tát sơ địa và một vị phật là khá khác nhau, nhưng sự khác biệt là quá vi tế nên tâm trí của người bình thường khó nhận ra được.

Một người bình thường có trạng thái thiên và không thiên. Đối với một người bình thường, trạng thái không thiên của một bồ tát sơ địa như là sự tỉnh thức, nhưng đối với bồ

tát sơ địa hay là cao hơn thì họ đã vượt ra khỏi sự khác nhau giữa các trạng thái thiền định và không thiền định. Hay đúng hơn là trạng thái sau thiền định, bởi vì trạng thái thiền định đã tràn ngập trong hoạt động của một bồ tát, ngay cả khi bồ tát không ở trong sự hành thiền chính thức. Ở ngôi vị phát triển này, không có gì là không hiểu và không nhận thức được. Thành tựu của bồ tát không phải là tri thức mà là tỉnh giác trực tiếp. Vị bồ tát phải khắc phục sự khác nhau giữa hai trạng thái thiền và không thiền để cả hai trở thành bình đẳng như nhau. Dĩ nhiên, so sánh với thành quả của ngôi bồ tát nhị địa, thì thành quả của bồ tát sơ địa còn hạn chế. Một vị bồ tát ở cấp độ tỉnh thức cao hơn có thể nhận ra những hạn chế về tâm thức của ngôi bồ tát thấp hơn. Điều này là rất tự nhiên. Họ luôn luôn cần phải hoàn thiện trước khi đạt được giác ngộ viên mãn.

Mặc dù các kinh điển đã giảng giải về các che chướng, nhưng chỉ có những ai đang trên con đường tiến tới giác ngộ hoàn toàn mới có thể hiểu được bản chất của những che chướng này.

HIỂU BIẾT PHẬT TÍNH

Trong phần cuối bài giảng về Phật tính, Đức Di Lặc đã dạy về năm sự bất lợi do không hiểu biết Phật tính, và năm lợi ích do hiểu biết Phật tính.

Bất lợi của sự vô minh về Phật tính được xem xét đầu tiên, mà trước hết là do tự ti. Không có kiến thức về tiềm năng của mình, chúng ta có xu hướng xem những lỗi lầm của chúng ta là bất biến và là bản chất tự nhiên của chúng ta. Đây là một trong số sai lầm lớn nhất của chúng ta. Bất kỳ trí tuệ hay nhận thức mà chúng ta may mắn phát triển được là để có thể nhìn ra trạng thái tự huyễn hoặc đúng hơn sự thật là gì – một sự tỉnh thức về tiềm năng tối thượng của chúng ta. Nếu không nhận thức về Phật tính, chúng ta dễ bị thuyết phục về sự vô giá trị và hồ nghi về bất cứ phẩm tính tốt đẹp nào chúng ta có được. Đây là một quan niệm sai.

Bất lợi thứ hai do không biết về Phật tính là do bản ngã của ta. Khi không biết về Phật tính, bản ngã của chúng ta dễ phát triển. Khi chúng ta phát triển các phẩm tính tốt đẹp như

là kết quả từ những nỗ lực tích cực của mình, chúng ta thường nghĩ mình đã tự tạo ra, và điều này thổi phồng bản ngã của chúng ta. Chúng ta không nhận ra rằng mình có phật tính như là các chúng sinh khác, và một phẩm tính tốt đẹp chính là một chút biểu hiện về phật tính trong ta, và chúng ta là tối thượng nhưng không phải là cao quý hơn bất kỳ ai khác. Nếu không nhận thấy những chúng sinh khác cũng có những khả năng như vậy, chúng ta rất dễ nảy sinh sự kiêu hãnh sai lầm về những thành quả nhỏ mà mình đạt được.

Đức Di Lặc nói về *những bất lợi thứ ba và thứ tư như là “khẳng định và phủ định”*. Sự cuồng tín là một thí dụ về khẳng định và phủ định. Thiếu nhận thức về phật tính dẫn đến tâm trí hẹp hòi, giới hạn, và là nguyên nhân khiến chúng ta khẳng định những quan điểm giới hạn của mình là duy nhất và phủ nhận sự thật của những quan điểm khác. Thí dụ, nếu chúng ta nhìn vào hình ảnh và nghi thức của Phật tử, chúng ta có thể cũng làm như thế mà không nhận ra bản chất, mục đích thực sự của chúng là gì. Chúng ta chỉ nắm bắt hình tướng bên ngoài. Không có hiểu biết chúng ta phủ nhận bản chất và khẳng định hình ảnh bên ngoài. Nếu không thể phân biệt giữa hình ảnh và bản chất bên trong, và tạo ra sự liên hệ giữa điều quan trọng và các thứ vật vãnh xung quanh, điều này có thể là một bất lợi rất lớn. Nếu không dẫn đến cuồng tín có thể làm hại những chúng sinh khác, thì cũng lãng phí nhiều thời gian và năng lượng do để mất đi điểm cốt lõi.

Đức Di Lặc dạy rằng tham ái là bất lợi thứ năm. Khi một người vô minh về phật tính thì có khuynh hướng trở nên bám víu vào những vận may tốt hoặc là bất kỳ phẩm tính đã đạt, và miễn cưỡng chia sẻ những điều này với người khác. Điều này nghĩa là bất kỳ điều tốt đẹp được phát triển trong cuộc sống của chúng ta sẽ không làm lợi lạc cho những người khác. Chúng ta sẽ bị sa lầy trong bất kỳ điều gì đạt được, và cuối cùng chúng ta bị thụt lùi thay vì tinh tấn.

Về năm lợi ích của hiểu biết phật tính. Đầu tiên là hỷ lạc. Dù chúng ta nghèo khó thế nào, dù chúng ta trải qua đau khổ ra sao, dù chúng ta đang ở trong hoàn cảnh nào, chúng ta luôn có niềm vui vì biết rằng bản chất tối thượng của chúng ta là hoàn hảo. Bởi chúng

ta biết mình đang hướng tới sự tỉnh thức cuối cùng về phật tính, chúng ta cảm thấy hoàn toàn an tâm và hạnh phúc. Trong một số bài giảng hướng dẫn về Mật thừa, điều này được coi là quan điểm rất quan trọng. Có một châm ngôn được dịch từ tiếng Tạng sang tiếng Anh như sau, “Ngay cả nếu chúng ta phải chịu đau khổ, thì chúng ta cũng đau khổ một cách hạnh phúc.” Đau khổ một cách hạnh phúc nghĩa là nhận thức rằng đau khổ chỉ là bên ngoài và vô thường. Phật tính của chúng ta có thể không bao giờ đau khổ, vì vậy đau khổ một cách hạnh phúc là điều có thể. Ngay cả khi chúng ta không thể tránh được nỗi thống khổ, chúng ta vẫn có một khoảng không để chúng ta có thể an lạc trong những hoàn cảnh khó khăn nhất.

Đức Di Lặc nói lợi ích thứ hai của hiểu biết về phật tính là sự tôn trọng. Chúng ta có thể tôn trọng tất cả chúng sinh, và mọi người, bởi vì họ đều có phật tính như ta. Chúng ta có thể tôn trọng môi trường và tự nhiên nữa, bởi vì đó là những biểu hiện của phật tính thông qua những giác quan liên hệ lẫn nhau của chúng ta.

Thông thái là lợi ích thứ ba. Khi biết về phật tính, chúng ta hiểu về chân lý tương đối. Hiểu biết và nhận thức về chân lý tương đối để sử dụng nó một cách thông thái.

Khi hiểu về phật tính, chúng ta hiểu về chân lý tuyệt đối. Sự hiểu biết chân lý tuyệt đối là trí tuệ. Trí tuệ sẽ chỉ dẫn chúng ta lựa chọn và đẩy nhanh chúng ta hướng tới giác ngộ. *Trí tuệ là lợi ích thứ tư.*

Lợi ích thứ năm của hiểu biết phật tính là lòng bi. Chúng ta biết rằng tất cả chúng sinh đều có thể tiến bộ vì bản tính nguyên sơ của họ là hoàn hảo, và những nỗ lực của họ để tinh tấn – cũng như những cố gắng của chúng ta để giúp họ – sau cùng rồi cũng đạt được kết quả. Mọi chúng sinh đều có phật tính. Đó là sự khích lệ cho chúng ta, bởi vì nếu không có khả năng để tinh tấn, thì chúng ta không thể giúp chính chúng ta hoặc là chúng sinh khác, và như vậy thì sự cố gắng là vô ích. Chúng ta có lòng bi bởi chúng ta nhận thức sâu sắc về những nỗi thống khổ mà chúng sinh đang phải chịu đựng. Bởi vì phật tính của mình, chúng ta có thể hành động một cách yêu thương và bi mẫn để giúp đỡ chúng sinh. Khi tụng những lời cầu nguyện của Phật tử “mong rằng tất cả chúng sinh thoát khỏi khổ đau và nguyên

nhân của khổ đau,” lời cầu nguyện của chúng ta là hiện thực, vì chúng ta biết mọi chúng sinh đều có phật tính.

Phật tính là giáo lý thiết thực, ích lợi nhất, và chân lý của Phật giáo Kim Cương Thừa. Khi cầu nguyện rằng chúng ta muốn giải thoát tất cả chúng sinh. Đây là một quan điểm đầy khát vọng. Chúng ta có thể thực sự giải thoát tất cả chúng sinh được không? Chúng ta có thể. Chúng ta có thể đạt giác ngộ được không? Tất nhiên. Điều gì khiến chúng ta tin tưởng như vậy? Phật tính. Đây là nền tảng cơ bản để thực hiện. Chúng ta vốn đã được giác ngộ. Chúng ta chỉ cần đánh thức vị phật đang ngủ trong mỗi chúng ta.

~ Trích “Đánh Thức Vị Phật Đang Ngủ”

Kenting Tai Situpa Thứ XII

Nguyên Toàn Việt dịch